Part 1: Write the words

Science– IT – English – Vietnamese – Art – Math – Music

Subject
/ˈsʌb.dʒekt/
Môn học















Part 2: Look and write

What subjects do you have today? (*Hôm nay bạn có môn gì?*)

=> I have + môn học . (Tớ có môn……)

	**1. What subjects do you have today?** I have Vietnamese
	**2. What subjects do you have today?** ……
	**3. What subjects do you have today?** ……
	**4. What subjects do you have today?** ……
	**5. What subjects do you have today?** ……

LIVEWORKSHEETS

	**6. What subjects do you have today?** ……

Part 3:

A- Answer the questions

Structure: **Do you have + môn học + on + thứ ?** *(Bạn có môn …… vào thứ…… không ?)*

Answer: **Yes, I do / No, I don't** hoặc **I don't have……, but I have ……**

1. Do you have Vietnamese on Tuesday? → Yes, I do.
2. Do you have Art on Thursday? → _____
3. Do you have Math on Monday? → _____
4. Do you have Music on Wednesday? → _____

B- Translate into English

Structure: **Do you have + môn học + on + thứ ?** *(Bạn có môn ……vào thứ…… không ?)*

1. Bạn có môn Mĩ thuật vào thứ Năm không?

   Do you have Art on Thursday?
2. Bạn có môn Khoa học vào thứ Sáu không?

   _____
3. Bạn có môn Tiếng Anh vào thứ Hai không?

   _____
4. Bạn có môn Tin học vào thứ Ba không?

   _____

LIVEWORKSHEETS